

Số: **110** /TB-QTMT

Quảng Bình, ngày **13** tháng **5** năm 2016

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Ngày 12 tháng 5 năm 2016, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 05 điểm gồm bãi biển Quảng Phú, bãi tắm Quảng Thọ, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh đồng thời gửi mẫu cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị phân tích một số chỉ tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc					QCVN 10-MT:2015/BTNMT	
			B1	B2	B3	B4	B5	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
<b>I Kết quả quan trắc, phân tích Quảng Bình ngày 12/5/2016</b>									
<b>a Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng</b>									
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	25,3	26,1	26,2	26,3	26,7		
2	pH		8,1	8,0	8,0	8,1	8,1	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,63	6,69	6,89	6,91	6,89	≥ 5	≥ 4
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	31	26	29	12	18	50	50
5	Amôni (NH <sup>+</sup> <sub>4</sub> tính theo N)	mg/l	< 0,025	0,04	0,03	0,03	< 0,025	0,1	0,5
6	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	1,44	1,43	1,43	1,44	1,46	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	0,13	0,12	0,05	0,01	< 0,01	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,31	0,27	0,16	0,11	0,28	0,5	0,5
<b>b Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều</b>									
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	27,1	27,0	26,8	25,9	25,3		
2	pH		8,1	8,0	8,1	8,0	8,0	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,72	6,80	6,89	6,93	6,91	≥ 5	≥ 4



4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	17	30	11	36,5	12	50	50
5	Amôni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/l	0,04	0,05	0,03	< 0,025	0,08	0,1	0,5
6	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	1,43	1,45	1,43	1,42	1,44	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	0,18	0,07	< 0,01	< 0,01	0,05	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,25	0,07	0,12	0,08	0,09	0,5	0,5
<b>II Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 12/5/2016)</b>									
<b>a Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng</b>									
1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	< 0,01	0,06	0,06	0,04	0,03	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2
<b>b Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều</b>									
1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,05	0,03	0,03	< 0,01	0,05	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi biển Quảng Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trị  
 - B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Quảng Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn  
 - B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch  
 - B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới  
 - B5: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh

Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 18 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Website: vea.gov.vn.

Nay, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục MT;
- Sở TNMT;
- Chi cục BVMT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Anh Tuấn**



TỔNG



**ỦA QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN VEN BỜ 04 TỈNH MIỀN TRUNG**

(Ngày 10 tháng 5 năm 2016)

**1. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Bãi tắm Xuân Thành		Bãi tắm Xuân Hải		Bãi tắm Thạch Hải		Bãi tắm Thiên Cẩm		QCVN 10- MT: 2015/BTNMT
			10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	°C	26,3	26,0	26,2	26,1	26,6	27,3	26,4	28,1	-
2.	pH		8,1	8,0	8,0	8,0	8,0	8,1	8,1	8,3	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	7,8	7,9	8,1	8,0	8,0	7,8	7,9	8,2	≥ 4,0
4.	Độ đục	NTU	3,8	3,5	7,3	2,5	4,6	8,6	9,8	2,8	-
5.	TSS	mg/L	31,0	18,0	28,0	29,0	36,0	36,0	26,0	27,0	50
6.	N - NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,5
7.	P - PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	0,03	0,01	0,02	<0,01	0,01	0,01	0,02	<0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,10	<0,10	0,13	0,10	<0,10	0,11	0,16	<0,10	0,5
9.	As	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	<0,2	<0,2	0,48	0,27	0,41	0,42	0,46	<0,2	0,5
11.	CN <sup>-</sup>	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khuẩn/100mL	95	68	130	150	76	110	37	48	1.000

**Kết quả quan trắc**



**c biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (tiếp)**

STT	Thông tin	Đơn vị	Bãi tắm Kỳ Ninh		Bãi tắm Mũi Đao		Bãi tắm Kỳ Xuân		<b>QCVN 10- MT: 2015/BTNMT</b>  <b>Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước</b>
			10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	°C	25,8	27,9	24,7	27,7	25,6	26,4	-
2.	pH		8,1	8,0	8,1	8,1	8,1	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	8,1	7,9	8,4	8,3	7,7	8,1	≥ 4,0
4.	Độ đục	NTU	11,3	7,7	9,4	7,7	5,9	6,2	-
5.	TSS	mg/L	32,0	34,0	37,0	28,0	28,0	26,0	50
6.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,5
7.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	0,5
9.	As	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	0,2	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	0,5
11.	CN <sup>-</sup>	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	51	19	26	31	21	68	1.000

## 2. Kết quả qu

## ng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình



STT	Thông số		Bãi tắm Quảng Phú, Quảng Phú, Quảng Trạch		Bãi tắm Nhật Lệ, TP. Đồng Hới		Bãi tắm Đá Nhảy, Thanh Trạch, Bố Trạch		Bãi tắm Hải Ninh, Hải Ninh, Quảng Ninh		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
1.	Nhiệt độ	°C	26,3	27,1	28,1	25,7	27,3	26,2	25,2	25,2	
2.	pH		8,0	8,1	8,1	8,0	8,1	8,1	7,9	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,61	6,73	6,91	6,87	6,89	6,86	6,72	6,95	≥4,0
4.	TSS	mg/L	37,0	18,0	10,0	10,0	38,0	20,0	12,0	17,0	50
5.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,09	0,07	0,05	<0,025	<0,025	<0,025	0,08	0,03	0,5
6.	F <sup>-</sup>	mg/L	1,47	1,45	1,43	1,42	1,44	1,44	1,45	1,44	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05
10.	Zn	mg/L	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,34	0,39	0,08	0,20	0,09	0,20	0,12	0,17	0,5

**Kết quả quan trắc**



**ở biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (tiếp)**

STT		Đơn vị	Bãi tắm Quảng Thọ, Quảng Thọ, Ba Đôn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
Ngày lấy mẫu			10/5/2016		Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
			Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt	<sup>0</sup> C	26,9	26,2	-
2.	pH		8,1	8,0	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,66	6,79	≥4,0
4.	TSS	mg/L	19,0	27,0	50
5.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,03	0,04	0,5
6.	F <sup>-</sup>	mg/L	1,44	1,43	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05
10.	Zn	mg/L	<0,01	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,24	0,23	0,5

### 3. Kết quả qua



### ở nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Thời	Đơn vị	Bãi tắm Gio Hải, xã Gio Hải, Gio Linh		Bãi tắm Mỹ Thủy, xã Hải An, Hải Lăng		Bãi tắm Mũi Si, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	°C	24,7	24,9	25,4	25,8	24,7	25,9	-
2.	pH		7,9	7,9	7,9	7,9	7,9	8,0	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,4	6,3	6,2	6,1	6,1	6,2	≥ 4,0
4.	Độ đục	mg/L	1,4	2,0	3,5	5,8	8,0	5,5	-
5.	TSS	mg/L	6,2	3,8	9,8	11,0	13,0	10,0	50
6.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	<0,02	<0,02	0,04	<0,02	<0,02	<0,02	0,5
7.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	<0,04	0,3
8.	Fe	mg/L	<0,021	0,028	0,058	0,072	0,12	0,066	0,5
9.	Cd	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,005
10.	Pb	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,05
11.	Cu	mg/L	0,11	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	0,5
12.	Zn	mg/L	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	1,0
13.	Mn	mg/L	0,09	0,02	0,08	<0,01	0,12	0,10	0,5
14.	As	mg/L	0,0017	0,0021	0,0017	0,0017	0,0017	0,0016	0,04
15.	Hg	mg/L	<0,00089	<0,00089	<0,00089	<0,00089	<0,00089	<0,00089	0,002
16.	Xyanua	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,01
17.	Cr (VI)	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,05
18.	Cr tổng	mg/L	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	0,2
19.	Coliform	MPN/100mL	9	11	150	240	21	15	1.000

4. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế



STT	Đơn vị	Bãi tắm Lăng Cô		Bãi tắm Thuận An		Bãi tắm Quảng Ngạn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT	
		10/5/2016		10/5/2016		10/5/2016		Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước	
Ngày lấy mẫu		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều		
1.	Nhiệt độ	°C	25,0	25,0	25,5	26,6	26,3	26,6	-
2.	pH		8,4	8,1	8,3	8,0	8,2	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	EC	mS/cm	46,4	45,8	42,1	45,4	45,1	46,5	-
4.	TDS	g/L	28,3	28,0	25,7	27,7	27,5	28,3	-
5.	DO	mg/L	7,0	5,8	7,1	6,3	6,9	6,3	≥ 4,0
6.	Độ đục	NTU	<1	<1	<1	32	<1	43	-
7.	TSS	mg/L	4,5	3,0	2,0	<2,0	8,5	5,5	50
8.	N - NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,066	KPT	0,034	KPT	0,028	KPT	0,5
9.	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/L	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	-
10.	P - PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	0,3
11.	CN <sup>-</sup>	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	As	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	0,04
13.	Mn	mg/L	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	0,5
14.	Fe	mg/L	<0,09	0,16	0,12	0,21	0,28	0,29	0,5
15.	Cu	mg/L	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	0,5
16.	Zn	mg/L	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	1,0
17.	Hg	mg/L	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	0,002
18.	Ni	mg/L	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	-

\* KPT: không phân tích

Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ nêu trên được tổng hợp từ các Trung tâm Quan trắc môi trường địa phương với thời gian quan trắc vào ngày 10 tháng 5 năm 2016 tại các bãi tắm trên địa bàn 04 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Qua so sánh, đối chiếu kết quả quan trắc với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) cho thấy, chất lượng nước biển tại các bãi biển này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn đối với vùng bãi tắm, thể thao dưới nước.